

Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày 07-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- T ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024; đối với các bị cáo:

1. Lê Công S (tên gọi khác: T); giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/01/1996 tại tỉnh QN; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; số thẻ CCCD 051096009832; nơi cư trú: Thôn PV, xã NT, huyện TN, tỉnh QN; học vấn: 6/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông: Lê Công Th (S năm 1972) và bà: Nguyễn Thị N (S năm 1971); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh QN xử phạt 05 năm tù về tội: “*Cướp tài sản*” (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009), tại Bản án số 03/HSST; chấp hành tại Trại giam KS, Bộ Công an. Ngày 17/5/2019, chấp hành xong hình phạt tù (Đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04 đến ngày 13/5/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Có mặt.

2. Nguyễn Anh T (tên gọi khác: N); giới tính: Nam; Sinh ngày 16/01/1998 tại QN; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Số thẻ CCCD 051098011311; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ND, TP.QN, tỉnh QN; học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông: Nguyễn Thanh T (S năm 1968) và bà: Nguyễn Thị L (S năm 1968); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 29/9/2015, bị Tòa án nhân dân TP.QN, tỉnh QN Bị xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 95/HSST.

- Ngày 13/01/2016, bị Tòa án nhân dân TP.QN, tỉnh QN xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp tài sản*” (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 03/HSST; tổng hợp hình phạt với Bản án số 95/HSST ngày 29/9/2015, buộc chấp hành hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù; chấp hành án tại trại giam KS, Bộ Công an. Ngày 08/3/2020, chấp hành xong hình phạt tù (Đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 01/6/2023, sau đó được trả tự do; đến ngày 13/12/2023 bị bắt tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Có mặt.

** Người tham gia tố tụng:*

Người bị hại: Chị Nguyễn Gia B – Sinh năm: 2005; Nơi cư trú: Tổ 7, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Lê Công Th – sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn PV, xã NT, huyện TN, tỉnh QN. Có mặt.

Ông Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn 02, xã ND, thành phố QN, tỉnh QN. Có mặt.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 5, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Chị Trần Thị Mỹ T - Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 4, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Chị Phạm Lê Minh T - Sinh năm 2003. Nơi cư trú: Hẻm 258 phường Phù Đồng, Tổ 9, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Công S và Nguyễn Anh T có quan hệ quen biết nhau; S có bạn gái là Trần Thị Mỹ T (Sinh năm 1990, trú Tổ 4, phường HL, TP.P, tỉnh Gia Lai), Th có bạn gái là Phạm Lê Minh T (S năm 2003, trú Tổ 9, phường HL, TP.P, Gia Lai). Th, S, Tình, T cùng thuê trọ tại số 11 đường Bùi Đình T, phường HL, TP.P; Tình, T có quan hệ quen biết nhau và cả hai cùng quen Nguyễn Gia B.

Rạng sáng ngày 29/4/2023, giữa Lê Công S và Phạm Lê Minh T, Nguyễn Gia B có xảy ra xích mích, mâu thuẫn nhỏ với nhau. Sau đó, T và B đến gặp Trần Thị Mỹ T nói về việc mâu thuẫn với S, thì giữa T, B và T xảy ra giằng co, xô xát nhẹ với nhau. T gọi điện thoại nói cho S biết về việc T, B đến tìm T và xảy ra mâu thuẫn với T như trên. Sáng ngày 29/4/2023, S và Nguyễn Anh T đi nhậu với nhau. Trong lúc nhậu, S bức tức về việc T và B mâu thuẫn với T, nên rủ Th đi tìm T và B để giải quyết mâu thuẫn; Th đồng ý. Th và S về khu trọ ở số 11 đường Bùi Đình Túy, TP.P để tìm T và B, nhưng không gặp; Th gọi điện thoại cho T thì biết T đang đi khám bệnh ở Bệnh viện. S biết T và B làm nhân viên của quán nhậu 360° ở số 55 đường Phan Đình Giót, Tổ 05, phường HL, TP.P, nên vào phòng trọ của Tình lấy 01 cây kiếm có đặc điểm: Lưỡi bằng kim loại dài 73cm, rộng 03cm, sắc, mũi nhọn; cán quần vải màu nâu dài 27cm; vỏ bọc lưỡi kiếm bằng gỗ dài 75cm, rộng 04cm, để lên

gác-ba-ga trước của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 59X2-334.10 rồi rủ Th đi đến quán 360° tìm T và B. Th nói với S là T không đi làm; S nói đến quán không có T thì tìm gặp B để giải quyết mâu thuẫn, Th đồng ý. Thấy S đã uống rượu, đang có thái độ bức tức và mang theo kiếm, Th biết là S sẽ dùng kiếm để giải quyết mâu thuẫn với T và B, nhưng do biết T là bạn gái của mình không đi làm, nên Th đồng tình và không có phản ứng gì. S điều khiển xe mô tô 59X2-334.10 chở Th đến quán 360°; trên đường đi, S và Th thống nhất khi đến nơi Th sẽ đi vào tìm T và B, chứ nếu S vào tìm thì sợ T và B sẽ không ra gặp. Khi đến quán 360°, S dừng xe đứng chờ để Th đi vào quán tìm T và B. Th đi vào quán thì gặp anh Nguyễn Văn Đ (S năm 1980, là quản lý quán) và đề nghị cho gặp T và B; anh Đ nói T không đi làm, chỉ có B. Th quay ra nói với S chỉ có B đi làm, thì S nói Th gọi B ra. Th vào nhờ anh Đ gọi B ra để gặp, rồi đến đứng gần vị trí của S châm thuốc hút. Lúc này khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/4/2023, khi thấy B vừa từ tầng 2 đi xuống tầng trệt của quán, thì S liền rút kiếm ra cầm bằng tay phải (vỏ kiếm vẫn để ở xe mô tô) chạy về phía B; Th đứng tại chỗ nhìn theo và không có hành động gì. Thấy S cầm kiếm chạy về phía mình, thì B sợ nên lùi về phía bàn trong góc phải của quán, rồi đứng lại. S chạy đến dùng kiếm chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống, trúng vào vai trái của B, rồi tiếp tục chém 01 nhát chéo từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, trúng vào đùi phải của B, làm B ngã quỵ xuống sàn. Lúc này, Th chạy đến ngăn S lại, rồi cả hai bỏ đi ra ngoài. S tra kiếm vào vỏ, để lại trên gác-ba-ga xe mô tô 59X2-334.10, điều khiển xe chở Th quay về phòng trọ của Tỉnh để cất kiếm, rồi cả hai cùng nhau bỏ trốn. Đối với B, ngay sau đó được các nhân viên của quán 360° đưa đi cấp cứu, điều trị thương tích tại Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai; đến ngày 06/5/2023, thì B xuất viện. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án; kiểm tra và thu giữ tại phòng trọ của Tỉnh cây kiếm mà S đã sử dụng chém gây thương tích cho B. Ngày 04/5/2023, S ra đầu thú; ngày 28/5/2023, Th ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, S và Th đã khai nhận về hành vi cùng nhau gây thương tích cho B vào ngày 29/4/2023 như nêu trên. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, thì xác định lời khai của S, Th và B phù hợp với nhau và phù hợp với diễn biến của vụ án.

Qua trưng cầu giám định, tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 238 ngày 12/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai đối với thương tích của Nguyễn Gia B, kết luận:

“ *Các kết quả chính:* 01 vết thương phần mềm nằm dọc từ bờ trước mồm cùng vai trái kéo dọc ra bờ ngoài xương bả vai trái. Vết thương phần mềm nằm ngang mặt ngoài sau đùi phải kèm đứt phần cơ tứ đầu đùi. Chấn thương gây vỡ mồm cùng vai trái.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể của Nguyễn Gia B tại thời điểm giám định là: 15%. Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp. Vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật sắc có cạnh bén. Vì vậy, 01 cây kiếm do Cơ quan CSĐT Công an TP.P trưng cầu là vật phù hợp có thể gây ra thương tích nêu trên cho Nguyễn Gia B. Tại thời điểm giám định vết thương đùi phải và mồm cùng vai trái

mới khâu nối ngày thứ 7. Vì vậy, chưa thể đánh giá chính xác mức độ vận động chân phải và vai trái”

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28 ngày 22/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai đối với thương tích của Nguyễn Gia B, kết luận: “*Các kết quả chính:* Tại thời điểm giám định vận động vai trái và chân phải trong giới hạn bình thường. *Kết luận:* Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Gia B tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể qua hai lần giám định của Nguyễn Gia B là: 15%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư”.

Tại bản Cáo trạng Số: 89/CT-VKS, ngày 03 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo: Lê Công S và Nguyễn Anh T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Lê Công S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Nguyễn Anh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: 01 kiếm Phần lưỡi bằng kim loại dài 73cm, rộng 03cm, sắc, mũi nhọn; cán quán vải màu nâu dài 27cm; vỏ bọc lưỡi kiếm bằng gỗ dài 75cm, rộng 04cm, là hung khí Lê Công S đã dùng để chém gây thương tích cho Nguyễn Gia B cần tịch thu tiêu hủy:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo: Lê Công S và Nguyễn Anh T đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P đã truy tố và xin lỗi người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Lời khai của người tham gia tố tụng:

- Người bị hại: Nguyễn Gia B (lời khai tại hồ sơ): Vì bức tức và hiểu lầm nhau trong lời nói, Th đi cùng S và S đã có hành vi dùng kiếm chém vào vai trái và đùi phải của chị gây Thương tích tỉ lệ là 15%. Các bị cáo đã tác động gia đình đã bồi Tòng chi phí điều trị cho chị: Gia đình Lê Công S bồi Tòng 40.000.000 đồng; Gia đình Nguyễn Anh T đã tác động gia đình bồi thường 14.000.000 đồng. Bị hại B không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với S và Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Lê Công Th và ông Nguyễn Thanh T: Các ông bồi thường chi phí điều trị và thiệt hại cho người bị hại do có tác động từ các bị cáo, các ông không có yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo chỉ vì bức tức khi nói chuyện, nên Th đi cùng S và S đã có hành vi dùng dùng kiếm chém vào vai trái và đùi phải của người bị hại là chị Lê Gia B gây thương tích, hậu quả làm người bị hại bị tổn hại sức khỏe với tỉ lệ là 15%. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ hung hãn và thuộc trường hợp sử dụng hung khí nguy hiểm nên đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Sức khỏe của con người được pháp luật B vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Các bị cáo có nhận thức, lẽ ra bị cáo phải ý thức được hành động của mình. Thế nhưng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa người bị hại và bạn của các bị cáo, các bị cáo không kìm chế bản thân, dùng hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào cơ thể của người bị hại, hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ hung hãn, xâm phạm đến sức khỏe của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về các tội phạm do cố ý, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện thái độ ngông cuồng, không tuân thủ pháp luật, vì vậy cần quyết định cho các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Vụ án có hai người thực hiện tội phạm, là đồng phạm giản đơn, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà từng bị cáo thực hiện là khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt tương xứng. Trong đó bị cáo S là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng, rủ Th và trực tiếp thực chém gây thương tích cho người bị hại. Do vậy, S là người chịu trách nhiệm chính; Th là đồng phạm giúp sức: nên mức độ nguy hiểm do hành vi bị cáo Th thực hiện là thấp hơn so với bị cáo S. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ nguy hiểm do hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã đầu thú, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ này được áp dụng theo các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, việc xử lý vật chứng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[6] Về dân sự: Người bị hại đã nhận được tiền bồi thường, không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với Trần Thị Mỹ T: T chỉ gọi điện thoại kể cho bị cáo S biết về việc xảy ra mâu thuẫn với Phạm Lê Minh T và Nguyễn Gia B; T không khởi xướng và cũng không biết về việc các bị cáo S và Th chém gây Thương tích cho B. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với T về vai trò đồng phạm với các S, Th là có căn cứ.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen đỏ biển số 59X2-334.10 là phương tiện Lê Công S chở Nguyễn Anh T đi thực hiện hành vi gây Thương tích cho Nguyễn Gia B vào ngày 29/4/2024, qua điều tra xác định do ông Bùi Hữu T (địa chỉ số 89/8 đường Hoàng Văn T, Khu phố 3, phường TT, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký; quá trình điều tra vụ án, ông T khai đã bán cho người không rõ nhân thân, lai lịch và không nhớ rõ thời gian nào. Nguyễn Anh T khai đã mua lại xe trên từ 01 người phụ nữ tên Lập (không rõ họ tên, địa chỉ) ở TP.Hồ Chí Minh để làm phương tiện đi lại, sau đó bán lại cho S. Trên đường bỏ trốn sau khi gây Thương tích cho B, S đã bán lại xe cho một cửa hàng mua bán xe mô tô ở tỉnh Quảng Nam, nhưng không xác định được địa chỉ. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu giữ được xe mô tô 59X2-334.10 nêu trên.

[8] Vật chứng vụ án: 01 kiếm 01 kiếm Phần lưỡi bằng kim loại dài 73cm, rộng 03cm, sắc, mũi nhọn; cán quân vải màu nâu dài 27cm; vỏ bọc lưỡi kiếm bằng gỗ dài 75cm, rộng 04cm, là hung khí Lê Công S đã dùng để chém gây Thương tích cho Nguyễn Gia B cần tịch thu tiêu hủy: là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Công S và Nguyễn Anh T phạm tội “Cố ý gây Thương tích”.

2/ Về Điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

3/ Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Công S **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù..** Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến 01/6/2023.

4/ Các vấn đề khác:

- *Xử lý vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kiếm có đặc điểm: phần lưỡi bằng kim loại dài 73cm, rộng 03cm, sắc, mũi nhọn; cán quấn vải màu nâu dài 27cm; vỏ bọc lưỡi kiếm bằng gỗ dài 75cm, rộng 04cm (cũ, đã qua sử dụng).

(theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- *Án phí:* Buộc các bị cáo Lê Công S và Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND xã, phường (nơi cư trú của các bị cáo);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hương